

Phụ lục I

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

| TT         | Công trình/ Khu tưới                      | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước so với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) (m) |                                 |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú |
|------------|-------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|            |                                           |                        |                                                       |                      | Thời điểm báo cáo: Ngày 26/6/2020                   | Thời điểm trước: Ngày 24/6/2020 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |         |
| (1)        | (2)                                       | (3)                    | (4)                                                   | (5)                  | (6)                                                 | (7)                             | (8)        | (9)                                                  | (10)                                             | (11)    |
| <b>I</b>   | <b>Huyện Cư Jút</b>                       |                        | <b>11.116,660</b>                                     |                      |                                                     |                                 |            | <b>2.914,370</b>                                     | <b>26,22</b>                                     |         |
| 1          | Hồ Đắk Diêr                               | Cư Knia                | 5.501,000                                             | Tự do                | -2,90                                               | -3,20                           | 0,30       | 1.815,33                                             | 33                                               |         |
| 2          | Hồ Đắk Đrông                              | Đắk Đrông              | 2.472,000                                             | Van phẳng            | -3,30                                               | -3,20                           | - 0,10     | 593,28                                               | 24                                               |         |
| 3          | Hồ Buôn Buôr                              | Tâm thắng              | 298,000                                               | Van phẳng            | -3,90                                               | -3,90                           | -          | 38,740                                               | 13                                               |         |
| 4          | Hồ Cư Pu                                  | Nam Dong               | 531,000                                               | Tự do                | <MNC                                                | <MNC                            |            | 5,310                                                | 1                                                | <MNC    |
| 5          | Hồ Tiểu khu 839                           | Đắk Wil                | 216,000                                               | Tự do                | 0,05                                                | 0,05                            | -          | 216,00                                               | 100                                              |         |
| 6          | Hồ Tiểu khu 840                           | Đắk Wil                | 633,000                                               | Tự do                | -2,60                                               | -3,10                           | 0,50       | 234,21                                               | 37                                               |         |
| 7          | Hồ Ea Diêr                                | Đắk Đrông              | 315,660                                               | Tự do                | <MNC                                                | <MNC                            |            |                                                      |                                                  | <MNC    |
| 8          | Hồ Trúc Sơn                               | Trúc Sơn               | 1.150,000                                             | Van phẳng            | <MNC                                                | <MNC                            |            | 11,50                                                | 1                                                | <MNC    |
| 9          | Trạm bơm Ea Pô                            | Ea Pô                  |                                                       |                      |                                                     |                                 |            |                                                      |                                                  |         |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Krông Nô</b>                     |                        | <b>23.120,100</b>                                     |                      |                                                     |                                 |            | <b>10.987,234</b>                                    | <b>47,52</b>                                     |         |
| 1          | Hồ Buôn Dong                              | Quảng Phú              | 211,000                                               | Tự do                | -4,20                                               | -4,40                           | 0,20       | 18,990                                               | 9                                                |         |
| 2          | Hồ Buôn Lang                              | Quảng Phú              | 369,100                                               | Tự do                | -4,90                                               | -5,00                           | 0,10       | 51,674                                               | 14                                               |         |
| 3          | Hồ Đắk Nang                               | Đắk Nang               | 3.600,000                                             | Tự do                | -3,30                                               | -3,70                           | 0,40       | 2.592,000                                            | 72                                               |         |
| 4          | Hồ Đắk Mhang                              | Nâm Nung               | 657,000                                               | Tự do                | -1,00                                               | -1,10                           | 0,10       | 551,880                                              | 84                                               |         |
| 5          | Hồ Buôn R'cập                             | Nâm Nung               | 599,000                                               | Tự do                | -3,60                                               | -3,80                           | 0,20       | 257,570                                              | 43                                               |         |
| 6          | Hồ Đắk Viêng                              | Nâm Nung               | 1.017,000                                             |                      | -3,20                                               | -3,30                           | 0,10       | 742,410                                              | 73                                               |         |
| 7          | Hồ Đắk Pok                                | Nâm N'Dir              | 856,000                                               | Tự do                | -1,85                                               | -1,95                           | 0,10       | 590,640                                              | 69                                               |         |
| 8          | Hồ Đắk Hou                                | Nâm N'Dir              | 637,000                                               | Tự do                | -2,00                                               | -2,00                           | -          | 528,710                                              | 83                                               |         |
| 9          | Hồ Đắk Rô                                 | Đắk Đrô                | 12.510,000                                            | Van thủy lực         | -12,70                                              | -12,90                          | 0,20       | 3.016,000                                            | 24                                               |         |
| 10         | Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)                       | Nam Đà                 | 2.664,000                                             | Tự do                | -0,10                                               | -0,10                           | -          | 2.637,360                                            | 99                                               |         |
| 11         | Hồ Đắk Tân                                | TT. Đắk Mâm            | 28,200                                                | Tràn giếng           | -2,50                                               | -2,80                           | 0,30       |                                                      |                                                  |         |
| 12         | Hồ Đắk Ri                                 | Tân Thành              | 385,000                                               | Tự do                | -4,00                                               | -4,00                           | -          |                                                      |                                                  |         |
| 13         | Hồ Đắk Ri 2                               | Tân Thành              | -                                                     |                      | -2,50                                               | -2,50                           | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | Đập dâng số 02                            | Nam Đà                 |                                                       |                      | 0,10                                                | 0,10                            |            |                                                      |                                                  |         |
|            | Đập dâng Thanh Sơn                        | Nam Xuân               |                                                       |                      | 0,10                                                | 0,05                            | 0,05       |                                                      |                                                  |         |
|            | Đập dâng Đắk Trung                        | Đắk Sôr                |                                                       |                      | 0,30                                                | 0,30                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | Đập dâng Đắk Thành                        | Đắk Sôr                |                                                       |                      | 0,20                                                | 0,20                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | Đập dâng Quảng Hà                         | Đắk Sôr                |                                                       |                      | 0,40                                                | 0,30                            | 0,10       |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 1 Đắk Rên                   | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 0,50                                                | 0,50                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 1A Đắk Rên                  | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 1,00                                                | 1,00                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 2 Đắk Rên                   | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 1,00                                                | 1,00                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 3 Đắk Rên                   | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 1,00                                                | 1,00                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 4 Đắk Rên                   | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 1,00                                                | 1,20                            | - 0,20     |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 5 Đắk Rên                   | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 1,20                                                | 1,50                            | - 0,30     |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 1 Buôn Choách               |                        |                                                       |                      | 2,00                                                | 2,10                            | - 0,10     |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 2 Buôn Choách               |                        |                                                       |                      | 2,10                                                | 2,20                            | - 0,10     |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 3 Buôn Choách               |                        |                                                       |                      | 2,20                                                | 2,30                            | - 0,10     |                                                      |                                                  |         |
|            | - Trạm bơm số 4 Buôn Choách               |                        |                                                       |                      | 2,30                                                | 2,40                            | - 0,10     |                                                      |                                                  |         |
|            | Trạm bơm D12 Buôn Suk                     | Quảng Phú              |                                                       |                      | 1,50                                                | 1,50                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | Trạm bơm Buôn Ktak                        | Quảng Phú              |                                                       |                      | 0,10                                                | 0,10                            |            |                                                      |                                                  |         |
|            | Trạm bơm Buôn choih                       | Đức Xuyên              |                                                       |                      | 1,40                                                | 1,40                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | Đập dâng phai chắn nước lòng hồ cũ Nam Đà | Nam Đà                 |                                                       |                      | 0,20                                                | 0,20                            | -          |                                                      |                                                  |         |
|            | Đập dâng Nam Tân                          | Nam Đà                 |                                                       |                      | -0,30                                               | -0,30                           | -          |                                                      |                                                  |         |
| <b>III</b> | <b>Huyện Đắk Mil</b>                      |                        | <b>20.395,965</b>                                     |                      |                                                     |                                 |            | <b>7.408,151</b>                                     | <b>36,32</b>                                     |         |
| 1          | Hồ Đắk Săk                                | Đức Minh               | 6.500,000                                             | Tự do                | -7,50                                               | -7,50                           | -          | 715,000                                              | 11                                               |         |
| 2          | Hồ Tây                                    | TT Đắk Mil             | 3.330,000                                             | Tự do                | -2,56                                               | -2,56                           | -          | 1.132,200                                            | 34                                               |         |

| (1)       | (2)                        | (3)         | (4)               | (5)        | (6)      | (7)      | (8)  | (9)              | (10)         | (11)     |
|-----------|----------------------------|-------------|-------------------|------------|----------|----------|------|------------------|--------------|----------|
| 3         | Hồ Vạn Xuân                | TT Đắk Mil  | 35,000            | Tự do      | -0,80    | -0,80    | -    | 22,400           | 64           |          |
| 4         | Hồ Núi lửa                 | Thuận An    | 612,500           | Tự do      | <MNC     | <MNC     |      | 49,000           | 8            | <MNC     |
| 5         | Đập Đắk Puer               | Thuận An    | 370,000           | Cửa van    | -4,85    | -4,85    |      | 7,400            | 2            |          |
| 6         | Đập Đắk Goun thượng        | Thuận An    | 498,000           | Cửa van    | -3,80    | -3,80    | -    | 89,640           | 18           |          |
| 7         | Đập Yok Lom                | Thuận An    | 513,960           | Tự do      | -2,80    | -2,80    | -    | 236,422          | 46           |          |
| 8         | Đập Sapa                   | Thuận An    | 45,000            | Tự do      | -0,20    | -0,20    | -    | 39,150           | 87           |          |
| 9         | Hồ Bu Đắk                  | Thuận An    | 475,000           | Tự do      | -1,20    | -1,20    | -    | 327,750          | 69           |          |
| 10        | Hồ Nông trường Thuận An    | Thuận An    | 371,250           | Tự do      | < MNC    | < MNC    |      |                  |              | < MNC    |
| 11        | Hồ Lâm trường Thuận An     | Thuận An    | 285,000           | Tự do      | -3,85    | -3,85    | -    | 62,700           | 22           |          |
| 12        | Hồ Đội 2                   | Thuận An    | 288,000           | Tự do      | -0,80    | -0,80    | -    | 198,720          | 69           |          |
| 13        | Đập ông Truyền             | Đức Minh    | 30,000            | Tự do      | -1,40    | -1,40    |      | 16,800           | 56           |          |
| 14        | Đập Ông Hiền               | Đức Minh    | 20,000            | Tự do      | -1,55    | -1,55    |      | 11,200           | 56           |          |
| 15        | Hồ Jun Juh                 | Đức Minh    | 618,680           | Cửa van    | -2,55    | -2,55    | -    | 210,351          | 34           |          |
| 16        | Hồ Đắk NDRót               | Đắk N'DRót  | 220,000           | Tự do      | -5,70    | -5,70    | -    | 28,600           | 13           |          |
| 17        | Hồ Đắk Rla                 | Đắk N'DRót  | 165,000           | Tự do      | -1,80    | -1,80    | -    | 59,400           | 36           |          |
| 18        | Công trình Đắk Goun        | Đắk N'DRót  | 192,300           | Cửa van    | Hết nước | Hết nước |      |                  | 0            | Hết nước |
| 19        | Hồ Đắk Sai                 | Đắk Lao     | 151,000           | Cửa van    | -4,30    | -4,30    | -    | 42,280           | 28           |          |
| 20        | Hồ Đắk Mbai                | Đắk Lao     | 91,600            | Cửa van    | -2,75    | -2,75    | -    | 21,068           | 23           |          |
| 21        | Hồ Đắk Loou                | Đắk Lao     | 40,000            | Tự do      | 0,30     | 0,30     | -    | 40,000           | 100          |          |
| 22        | Hồ Đắk Ken (6B)            | Đắk Lao     | 30,000            | Tự do      | -0,70    | -0,70    | -    | 15,300           | 51           |          |
| 23        | Công trình Đô Ry I         | Đắk Rla     | 283,500           | Cửa van    | -1,00    | -1,00    | -    | 215,460          | 76           |          |
| 24        | CTTL Đô Ry II              | Đắk Rla     | 742,075           | Cửa van    | -3,40    | -3,40    | -    | 474,928          | 64           |          |
| 25        | Công trình Đắk Láp         | Đắk Găn     | 165,000           | Tự do      | -1,80    | -1,80    | -    | 74,250           | 45           |          |
| 26        | Hồ Đắk Găn                 | Đắk Găn     | 61,250            | Tự do      | -1,75    | -1,75    | -    | 24,500           | 40           |          |
| 27        | Hồ E29                     | Đắk Săk     | 720,000           | Tự do      | 0,03     | 0,03     | -    | 720,000          | 100          |          |
| 28        | Hồ Mạnh Tiến               | Đức Mạnh    | 50,000            | Cửa van    | -0,60    | -0,60    | -    | 26,000           | 52           |          |
| 29        | Hồ Thác Hôn                | Đức Mạnh    | 1.275,000         | Tự do      | -3,80    | -3,80    | -    | 739,500          | 58           |          |
| 30        | Hồ Đội 1                   | Đắk Lao     | 600,000           | Tự do      | -0,95    | -0,95    | -    | 408,000          | 68           |          |
| 31        | Hồ Đội 35                  | Đắk Lao     | 110,000           | Tự do      | -1,30    | -1,30    | -    | 69,300           | 63           |          |
| 32        | Hồ Đội 40                  | Đắk Lao     | 102,000           | Tự do      | -1,80    | -1,80    | -    | 30,600           | 30           |          |
| 33        | Hồ Bắc Sơn 1               | Đắk Găn     | 1.286,600         | Tự do      | 0,00     | 0,00     | -    | 1.286,600        | 100          |          |
| 34        | Hồ Đội 3                   | Đức Mạnh    | 5,000             | Tự do      | 0,10     | 0,10     | -    | 5,000            | 100          |          |
| 35        | Hồ Ông Đăng                | Đức Mạnh    | 15,750            | Tự do      | -2,00    | -2,00    | -    | 4,883            | 31           |          |
| 36        | Hồ Đội 4                   | Thuận An    | 15,000            | Tự do      | -1,05    | -1,05    | -    | 3,750            | 25           |          |
| 37        | Hồ Tăng Gia                | Đắk Lao     | 82,500            | Van phẳng  | Hết nước | Hết nước |      |                  |              | Hết nước |
| 38        | Đập HTX Mạnh Thắng (Y ren) | Đức Mạnh    | 3,500             | Tự do      | < MNC    | < MNC    |      |                  |              | < MNC    |
| 39        | Đập Ông Hứa                | Đức Mạnh    | 0,200             | Tự do      | 0,20     | 0,20     | -    | 0,200            | 100          |          |
| <b>IV</b> | <b>Huyện Đắk Song</b>      |             | <b>14.807,160</b> |            |          |          |      | <b>7.794,122</b> | <b>52,64</b> |          |
| 1         | Hồ Đắk Mol                 | Đắk Mol     | 759,000           | Tự do      | -0,80    | -1,00    | 0,20 | 440,220          | 58           |          |
| 2         | Hồ Đắk Sơn 3               | Đắk Hòa     | 872,160           | Tự do      | -6,45    | -6,45    | -    | 174,432          | 20           |          |
| 3         | Hồ Cư Prông                | Đắk Mol     | 115,000           | Trần giếng | -3,78    | -3,80    | 0,02 | 14,950           | 13           |          |
| 4         | Hồ Sinh Muống              | Thuận Hạnh  | 1.431,000         | Tự do      | -0,05    | -0,20    | 0,15 | 1.159,110        | 81           |          |
| 5         | Hồ Đắk Mrung               | Thuận Hạnh  | 480,000           | Tự do      | -0,30    | -0,50    | 0,20 | 331,200          | 69           |          |
| 6         | Hồ Thuận Thành             | Thuận Hạnh  | 743,000           | Van phẳng  | -3,05    | -3,10    | 0,05 | 312,060          | 42           |          |
| 7         | Hồ Thuận Tân               | Thuận Hạnh  | 290,000           | Tự do      | 0,00     | 0,00     | -    | 240,700          | 83           |          |
| 8         | Hồ Đắk Toa                 | Thuận Hà    | 2.018,000         | Tự do      | -2,94    | -2,96    | 0,02 | 645,760          | 32           |          |
| 9         | Hồ 661                     | Thuận Hạnh  |                   | Tự do      | -1,00    | -1,35    | 0,35 |                  |              |          |
| 10        | Hồ Suối Đa                 | Đắk N'DRung | 600,000           | Tự do      | -2,03    | -2,03    | -    | 156,000          | 26           |          |
| 11        | Hồ Thôn 5                  | Đắk N'DRung | 750,000           | Van phẳng  | -0,85    | -0,85    | -    | 277,500          | 37           |          |
| 12        | Hồ Thôn 2                  | Đắk N'DRung | 145,000           | Tự do      | -0,65    | -0,65    | -    | 84,100           | 58           |          |
| 13        | Hồ Đắk Kuăl                | Đắk ND'run  | 1.261,000         | Van phẳng  | -2,00    | -2,00    | -    | 630,500          | 50           |          |
| 14        | Hồ Đắk Pông Bê             | Đắk N'DRung | 749,000           | Tự do      | -0,50    | -1,00    | 0,50 | 554,260          | 74           |          |
| 15        | Hồ Đắk Kual 5              | Đắk N'DRung |                   | Tự do      | 0,32     | 0,30     | 0,02 |                  |              |          |
| 16        | Hồ Thôn 7 (Bu Bong)        | Đắk N'DRung | 120,000           | Tự do      | <MNC     | <MNC     |      |                  |              | <MNC     |
| 17        | Đập Xơ Re                  | Đắk N'DRung |                   | Tự do      | <MNC     | <MNC     |      |                  |              | <MNC     |
| 18        | Hồ Xu Đăng (Dâng Dri)      | Đắk N'DRung |                   | Tự do      | 0,04     | 0,04     | -    |                  |              |          |
| 19        | Đập Thôn 10                | Đắk N'DRung |                   |            | -0,25    | -0,25    | -    |                  |              |          |

| (1)       | (2)                        | (3)         | (4)               | (5)        | (6)   | (7)   | (8)    | (9)               | (10)         | (11)          |
|-----------|----------------------------|-------------|-------------------|------------|-------|-------|--------|-------------------|--------------|---------------|
| 20        | Hồ Đắc Lép                 | Năm N'Jang  | 674,000           | Tự do      | -1,85 | -1,95 | 0,10   | 370,700           | 55           |               |
| 21        | Thủy lợi Hồ Năm N'Jang     | Năm N'Jang  | 564,000           | Van phẳng  | -1,25 | -1,25 | -      | 304,560           | 54           |               |
| 22        | CTTL Đắc Cai               | Trường Xuân | 274,000           | Tự do      | -0,50 | -0,55 | 0,05   | 191,800           | 70           |               |
| 23        | Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)    | Trường Xuân | 550,000           | Trần giếng | -3,50 | -3,50 | -      | 77,000            | 14           |               |
| 24        | Hồ Thôn 3                  | Trường Xuân | 250,000           | Tự do      | 0,00  | 0,00  | -      | 207,500           | 83           |               |
| 25        | Đập Đắc Nhai               | Trường Xuân | 1.065,000         | Tự do      | -0,65 | -0,70 | 0,05   | 777,450           | 73           |               |
| 27        | Hồ Đắc Mruông              | TT Đức An   | 189,000           | Trần giếng | -0,60 | -1,40 | 0,80   | 136,080           | 72           |               |
| 26        | Hồ Đắc Rlon                | TT Đức An   | 908,000           | Van phẳng  | -0,40 | -0,80 | 0,40   | 708,240           | 78           |               |
| <b>V</b>  | <b>Thành Phố Gia Nghĩa</b> |             | <b>8.131,000</b>  |            |       |       |        | <b>5.048,230</b>  | <b>62,09</b> |               |
| 1         | Hồ Nam Dạ                  | Đắk Nia     | 1.082,000         | Tự do      | -2,10 | -2,10 | -      | 508,54            | 47           |               |
| 2         | Hồ Chế Biên                | Đắk Nia     | 690,000           | Tự do      | 0,00  | 0,00  | -      |                   |              |               |
| 3         | Hồ Fai Kol Pru Đấng        | Đắk Nia     | 501,000           | Tự do      | -1,50 | -1,60 | 0,10   | 235,47            | 47           |               |
| 4         | Hồ Đắc Noh (Đắc Đô)        | Đắk Nia     | 427,000           | Tự do      | -0,50 | -0,80 | 0,30   | 384,30            | 90           |               |
| 5         | Hồ Đắc Cút                 | Đắk Nia     | 790,000           | Tự do      | -1,40 | -1,60 | 0,20   | 632,00            | 80           |               |
| 6         | Hồ Thôn 2B                 | Đắk Nia     | 413,000           | Tự do      | 0,00  | 0,00  | -      | 413,00            | 100          |               |
| 7         | Hồ Đắc Rial                | Đắk Nia     | 306,000           | Tự do      | -1,40 | -1,60 | 0,20   | 214,20            | 70           |               |
| 8         | Hồ Rẫy Mới                 | Quảng Thành | 575,000           | Tự do      | -3,00 | -3,00 | -      | 155,25            | 27           |               |
| 9         | Hồ Tân Hiệp 1              | Đắk R'moan  | 775,000           | Tự do      | -1,00 | -1,00 | -      | 581,25            | 75           |               |
| 10        | Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú      | Nghĩa Phú   | 69,000            | Tự do      | -2,10 | -2,10 | -      | 26,22             | 38           |               |
| 11        | Hồ Sinh Ba                 | Nghĩa Trung | 604,000           | Van phẳng  | 0,40  | 0,40  | -      | 604,00            | 100          |               |
| 12        | Hồ Tổ 5                    | Nghĩa Trung | 650,000           | Tự do      | 0,03  | 0,03  | -      | 650,00            | 100          |               |
| 13        | Hồ Tổ 6                    | Nghĩa Trung | 305,000           | Tự do      | 0,02  | 0,02  | -      |                   |              |               |
| 14        | Hồ Đắc Nút                 | Nghĩa Đức   | 644,000           | Tự do      | 0,06  | 0,06  | -      | 644,00            | 100          |               |
| 15        | Hồ thủy lợi Tổ 3           | Nghĩa Phú   | -                 | Tự do      | 0,03  | 0,03  | -      |                   |              |               |
| 16        | Hồ Trung Tâm               | Nghĩa Đức   |                   |            | -0,20 | -0,50 | 0,30   |                   |              |               |
| 17        | Hồ Đắc Nur                 | Nghĩa Đức   | 300,000           |            | 0,05  | 0,03  | 0,02   |                   |              |               |
| <b>VI</b> | <b>Huyện Đắc GLong</b>     |             | <b>15.432,326</b> |            |       |       |        | <b>11.677,040</b> | <b>75,67</b> |               |
| 1         | Hồ Thủy Điện               | Quảng Sơn   | 1.200,000         | Tự do      | 0,20  | 0,30  | - 0,10 | 1.200,00          | 100          |               |
| 2         | Hồ Công ty 847             | Quảng Sơn   | 1.098,000         | Tự do      | -0,75 | -0,85 | 0,10   | 966,24            | 88           |               |
| 3         | Hồ Đèo 52                  | Quảng Sơn   | 240,000           | Tự do      | -4,20 | -4,50 | 0,30   | 24,00             | 10           |               |
| 4         | Hồ Đắc Snao 1 (Hồ 882A)    | Quảng Sơn   | 620,000           | Tự do      | -4,50 | -5,00 | 0,50   | 111,60            | 18           | Đang thi công |
| 5         | Hồ Đắc Snao 2 (Hồ 882B)    | Quảng Sơn   | 143,000           | Tự do      | -0,80 | -0,90 | 0,10   | 120,12            | 84           |               |
| 6         | Hồ Đắc Snao 3              | Quảng Sơn   | 710,000           | Tự do      | 0,01  | 0,01  | -      | 710,00            | 100          |               |
| 7         | Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar      | Quảng Sơn   | 626,000           | Tự do      | -1,90 | -2,05 | 0,15   | 300,48            | 48           |               |
| 8         | Hồ Đắc N'der 2             | Quảng Sơn   | 487,000           | Tự do      | -1,60 | -1,65 | 0,05   | 194,80            | 40           |               |
| 9         | Hồ Km 41                   | Quảng Sơn   | 370,000           | Tự do      | -0,40 | -0,70 | 0,30   | 303,40            | 82           |               |
| 10        | Hồ Ba Trong                | Quảng Sơn   | 260,000           | Tự do      | -0,40 | -0,40 | -      | 236,60            | 91           |               |
| 11        | Thôn 2                     | Quảng Sơn   |                   | Tự do      | -0,50 | -0,80 | 0,30   |                   |              |               |
| 12        | Thôn 3B                    | Quảng Sơn   |                   | Tự do      | -0,50 | -0,90 | 0,40   |                   |              |               |
| 13        | Thôn 3A + 3B               | Quảng Sơn   |                   | Tự do      | -0,30 | -0,50 | 0,20   |                   |              |               |
| 14        | Đắc Pin                    | Quảng Sơn   |                   | Tự do      | 0,30  | 0,25  | 0,05   |                   |              |               |
| 15        | Đắc Spin                   | Quảng Sơn   |                   | Trần giếng | -1,50 | -1,50 | -      |                   |              |               |
| 16        | Hồ Đắc Hlang               | Quảng Khê   | 544,000           | Tự do      | -1,15 | -1,17 | 0,02   | 408,00            | 75           |               |
| 17        | Hồ Trường Học              | Quảng Khê   | 215,000           | Tự do      | 0,07  | 0,08  | - 0,01 | 215,00            | 100          |               |
| 18        | Hồ Nao Ma A                | Quảng Khê   | 569,000           | Tự do      | -0,65 | -0,68 | 0,03   | 500,72            | 88           |               |
| 19        | Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đơi)    | Quảng Khê   | 413,000           | Tự do      | 0,01  | 0,01  | -      | 413,00            | 100          |               |
| 20        | Hồ Thôn 4                  | Quảng Khê   | 356,000           | Tự do      | -0,95 | -0,98 | 0,03   | 281,24            | 79           |               |
| 21        | Hồ Đắc Srê                 | Quảng Khê   | 902,000           | Tự do      | -1,05 | -1,08 | 0,03   | 658,46            | 73           |               |
| 22        | Hồ Thôn 3                  | Quảng Khê   | 350,000           | Tự do      | 0,05  | 0,04  | 0,01   | 350,00            | 100          |               |
| 23        | Hồ Đắc N'Jer               | Quảng Khê   | 414,000           | Tự do      | -0,25 | -0,25 | -      | 397,44            | 96           |               |
| 24        | Hồ Bas Rai                 | Quảng Khê   | 750,000           | Tự do      | -2,30 | -2,30 | -      | 562,50            | 75           |               |
| 25        | Cầu đường                  | Quảng Khê   |                   | Tự do      | 0,02  | 0,02  | -      |                   |              |               |
| 26        | Đắc Mbuóch                 | Quảng Khê   |                   | Tự do      | 0,02  | 0,02  | -      |                   |              |               |
| 27        | Lâm trường (Thôn 5)        | Quảng Khê   |                   | Tự do      | -1,31 | -1,31 | -      |                   |              |               |
| 28        | Hồ Bi Zê Rê                | Đắk Som     | 390,000           | Tự do      | -0,35 | -0,35 | -      | 362,70            | 93           |               |
| 29        | Hồ B'Dong                  | Đắk Som     | 520,000           | Tự do      | 0,02  | 0,02  | -      | 520,00            | 100          |               |
| 30        | Hồ thôn 5 (Đắk Som)        | Đắk Som     | 253,000           | Tự do      | -3,80 | -3,80 | -      | 88,55             | 35           |               |

| (1)         | (2)                     | (3)         | (4)               | (5)        | (6)   | (7)   | (8)  | (9)               | (10)         | (11)          |
|-------------|-------------------------|-------------|-------------------|------------|-------|-------|------|-------------------|--------------|---------------|
| 31          | Hồ Chum Ia              | Đắk Som     | 700,000           | Tự do      | -0,15 | -0,15 | -    | 686,00            | 98           |               |
| 32          | Bon B'srê B             | Đắk Som     |                   | Tự do      | 0,02  | 0,02  | -    |                   |              |               |
| 33          | Hồ Thôn 1               | Đắk Ha      | 72,000            | Tự do      | -1,35 | -1,40 | 0,05 | 51,84             | 72           |               |
| 34          | Hồ Đắk Bông             | Đắk Ha      | 170,000           | Tự do      | -2,25 | -2,26 | 0,01 | 96,90             | 57           |               |
| 35          | Hồ Đắk Ha               | Đắk Ha      | 689,000           | Tự do      | -1,17 | -1,17 | -    | 502,97            | 73           |               |
| 36          | Hồ Đắk R'Tiêng          | Đắk Ha      | 169,000           | Tự do      | -1,45 | -1,48 | 0,03 | 121,68            | 72           |               |
| 37          | Hồ Trảng Ba             | Đắk Ha      | 270,000           | Tự do      | -4,35 | -4,37 | 0,02 | 59,40             | 22           |               |
| 38          | Ea Nung                 | Đắk Ha      |                   | Tự do      | -2,55 | -2,57 | 0,02 |                   |              |               |
| 39          | Đắk Pruh                | Đắk Ha      |                   | Tự do      | -0,08 | -0,10 | 0,02 |                   |              |               |
| 40          | Hồ Đắk Snao             | Đắk R'măng  | 595,000           | Tự do      | -0,20 | -0,25 | 0,05 | 547,40            | 92           |               |
| 41          | Hồ Dạ Hang Lang         | Đắk R'măng  | 700,000           | Tự do      | -0,10 | -0,15 | 0,05 | 686,00            | 98           |               |
| 42          | Số 1                    | Đắk P'lao   |                   | Tự do      | 0,01  | 0,01  | -    |                   |              |               |
| 43          | Số 2 (Đắk P'lao)        | Đắk P'lao   | 280,628           | Tự do      | 0,02  | 0,02  | -    | 280,63            | 100          |               |
| 44          | Số 3                    | Đắk P'lao   | 356,698           | Tự do      | -0,24 | -0,24 | -    | 335,30            | 94           |               |
| 45          | Thôn 2                  | Đắk P'lao   |                   | Trần giếng | -0,50 | -0,56 | 0,06 |                   |              |               |
| <b>VII</b>  | <b>Huyện Đắk RLấp</b>   |             | <b>29.339,000</b> |            |       |       |      | <b>21.767,070</b> | <b>74,19</b> |               |
| 1           | Hồ Đắk BLao             | TT Kiến Đức | 288,000           | Tự do      | -0,75 | -0,75 | -    | 218,880           | 76           |               |
| 2           | Hồ Da Dung              | TT Kiến Đức | 289,000           | Tự do      | -1,00 | -1,00 | -    | 242,760           | 84           |               |
| 3           | Hồ Sa Da Co             | Quảng Tín   | 300,000           | Tự do      | -1,30 | -1,30 | -    | 213,000           | 71           |               |
| 4           | Hồ Thôn 9               | Quảng Tín   | 517,000           | Tự do      | -2,50 | -2,50 | -    | 242,990           | 47           |               |
| 5           | Hồ Đắk Xá               | Quảng Tín   | 408,000           | Tự do      | -1,90 | -1,90 | -    | 232,560           | 57           |               |
| 6           | Thủy lợi Bầu Muối       | Nhân Đạo    | 1.183,000         | Tự do      | -1,40 | -1,40 | -    | 922,740           | 78           |               |
| 7           | Hồ Đắk Nêr              | Nhân Đạo    | 990,000           | Tự do      | 0,02  | 0,02  | -    | 990,000           | 100          |               |
| 8           | Hồ Đắk R'Mur            | Nhân Đạo    | 971,000           | Tự do      | -1,40 | -1,40 | -    | 757,380           | 78           |               |
| 9           | Hồ Đắk R'Sung           | Nhân Đạo    | 651,000           | Tự do      | -0,10 | -0,10 | -    | 631,470           | 97           |               |
| 10          | Hồ Bon Pi Nao           | Nhân Đạo    | 917,000           | Tự do      | -1,00 | -1,00 | -    | 715,260           | 78           |               |
| 11          | Hồ Nhân Cơ              | Nhân Cơ     | 1.104,000         | Cửa van    | -1,00 | -1,00 | -    | 894,240           | 81           |               |
| 12          | Hồ Thôn 11              | Nhân Cơ     | 903,000           | Tự do      | -0,30 | -0,30 | -    | 857,850           | 95           |               |
| 13          | Hồ Thôn 12              | Nhân Cơ     | 765,000           | Tự do      | -0,30 | -0,30 | -    | 734,400           | 96           |               |
| 14          | Hồ Cầu Tư               | Nghĩa Thắng | 8.090,000         | Tự do      | -7,50 | -7,50 | -    | 4.287,700         | 53           |               |
| 15          | Hồ Đắk R'Tang           | Kiến Thành  | 1.520,000         | Tự do      | -0,10 | -0,10 | -    | 1.504,800         | 99           |               |
| 16          | Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)  | Kiến Thành  | 610,000           | Tự do      | -1,00 | -1,00 | -    | 463,600           | 76           |               |
| 17          | Hồ Đắk Jeng Tung        | Kiến Thành  | 172,000           | Cửa van    | -1,20 | -1,20 | -    | 139,320           | 81           |               |
| 18          | Hồ Đắk Tát              | Hưng Bình   | 733,000           | Tự do      | -0,60 | -0,60 | -    | 593,730           | 81           |               |
| 19          | Đập thôn 8 Đắk Sin      | Hưng Bình   | 418,000           | Cửa van    | 0,03  | 0,03  | -    | 418,000           | 100          |               |
| 20          | Đập Quảng Lộc           | Đạo Nghĩa   | 1.103,000         | Tự do      | -0,60 | -0,60 | -    | 992,700           | 90           |               |
| 21          | Hồ Đắk Cồn              | Đạo Nghĩa   | 728,000           | Tự do      | -1,00 | -1,00 | -    | 589,680           | 81           |               |
| 22          | Đập Đắk Krung           | Đắk Wer     | 532,000           | Tự do      | -0,03 | -0,03 | -    | 526,680           | 99           |               |
| 23          | Hồ Thôn 2 (Đắk Sin)     | Đắk Sin     | 1.213,000         | Cửa van    | -1,25 | -1,25 | -    | 849,100           | 70           |               |
| 24          | Hồ Đắk Sinh (Hồ Thôn 5) | Đắk Sin     | 959,000           | Tự do      | -0,45 | -0,45 | -    | 930,230           | 97           |               |
| 25          | Hồ Thôn 5               | Đắk Sin     | 702,000           | Tự do      | -0,50 | -0,50 | -    | 652,860           | 93           |               |
| 26          | Đập Thôn 5 (Đắk Sin)    | Đắk Sin     | 745,000           | Tự do      | -0,40 | -0,40 | -    | 700,300           | 94           |               |
| 27          | Hồ Đắk Sin              | Đắk Sin     | 651,000           | Tự do      | -1,35 | -1,35 | -    | 429,660           | 66           |               |
| 28          | Hồ Đắk Ru I             | Đắk Ru      | 684,000           | Tự do      | -0,05 | -0,05 | -    | 677,160           | 99           |               |
| 29          | Hồ Đắk Ru II            | Đắk Ru      | 459,000           | Tự do      | -1,60 | -1,60 | -    | 358,020           | 78           |               |
| 30          | Hồ Thôn 2               | Quảng Tín   | 56,000            | Tự do      | -0,90 | -0,90 | -    |                   | -            |               |
| 31          | Hồ Số 3                 | Nhân Cơ     | 184,000           | Tự do      |       |       |      |                   |              | Đang thi công |
| 32          | Hồ Bu Ja Rá □           | Nghĩa Thắng | 494,000           | Tự do      | 0,10  | 0,10  |      |                   |              |               |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Tuy Đức</b>    |             | <b>14.463,000</b> |            |       |       |      | <b>10.528,740</b> | <b>72,80</b> |               |
| 1           | Hồ Đắk R'Tih            | Đắk R'Tih   | 1.808,000         | Tự do      | -2,45 | -2,45 | -    | 1.229,440         | 68           |               |
| 2           | Hồ Đắk Buk So           | Đắk Buk Sor | 1.120,000         | Tự do      | -1,60 | -1,60 | -    | 784,000           | 70           |               |
| 3           | Hồ Đắk Ría              | Đắk R'Tih   | 1.049,000         | Tự do      | -1,20 | -1,20 | -    | 629,400           | 60           |               |
| 4           | Hồ Đắk Ké               | Quảng Trục  | 313,000           | Tự do      | -1,40 | -1,40 | -    | 203,450           | 65           |               |
| 5           | Hồ Đắk Huýt             | Quảng Trục  | 550,000           | Tự do      | -4,20 | -4,20 | -    | 231,000           | 42           |               |
| 6           | Hồ Đắk Biêng            | Đắk R'Tih   | 1.153,000         | Cửa van    | -0,08 | -0,08 | -    | 1.037,700         | 90           |               |
| 7           | Đập Bon Đắk Bu Lum      | Quảng Trục  | 138,000           | Tự do      | -1,35 | -1,35 | -    | 89,700            | 65           |               |
| 8           | Hồ Đắk Ké 2             | Quảng Trục  | 404,000           | Tự do      | -1,40 | -1,40 | -    | 282,800           | 70           |               |

| (1) | (2)                  | (3)         | (4)         | (5)   | (6)    | (7)    | (8) | (9)        | (10)  | (11) |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-------|--------|--------|-----|------------|-------|------|
| 9   | Hồ Thôn 2 (Pu Prăng) | Quảng Trục  | 133,000     | Tự do | -0,45  | -0,45  | -   | 130,340    | 98    |      |
| 10  | Hồ Doãn Văn          | Đắk R'Tih   | 915,000     | Tự do | -3,00  | -3,00  | -   | 686,250    | 75    |      |
| 11  | Đập Đắk Bu R'ley     | Đắk R'Tih   | 125,000     | Tự do | 0,03   | 0,03   | -   | 125,000    | 100   |      |
| 12  | Hồ Đắk BLung         | Đắk Buk Sor | 562,000     | Tự do | -0,10  | -0,10  | -   | 539,520    | 96    |      |
| 13  | Đập Đắk Glun 1       | Đắk Ngo     | 461,000     | Tự do | -0,85  | -0,85  | -   | 368,800    | 80    |      |
| 14  | Đập Đắk Glun 2       | Đắk Ngo     | 461,000     | Tự do | 0,03   | 0,03   | -   | 461,000    | 100   |      |
| 15  | Đập Đắk Glun 3       | Đắk Ngo     | 563,000     | Tự do | -1,00  | -1,00  | -   | 337,800    | 60    |      |
| 16  | Đập Đắk R'Ma         | Đắk Buk Sor | 263,000     | Tự do | -0,50  | -0,50  | -   | 184,100    | 70    |      |
| 17  | Đập Đắk Huýt 4       | Quảng Trục  | 378,000     | Tự do | 0,00   | 0,00   | -   | 321,300    | 85    |      |
| 18  | Đập D2               | Quảng Trục  | 789,000     | Tự do | -0,03  | -0,03  | -   | 631,200    | 80    |      |
| 19  | Hồ Số 1              | Đắk Ngo     | 824,000     | Tự do | -0,85  | -0,85  | -   | 601,520    | 73    |      |
| 20  | Hồ Số 2 (Đắk Ngo)    | Đắk Ngo     | 426,000     | Tự do | -1,15  | -1,15  | -   | 328,020    | 77    |      |
| 21  | Hồ Số 3              | Đắk Ngo     | 383,000     | Tự do | -0,90  | -0,90  | -   | 210,650    | 55    |      |
| 22  | Hồ Số 4              | Đắk Ngo     | 310,000     | Tự do | -1,90  | -1,90  | -   | 248,000    | 80    |      |
| 23  | Hồ Đắk Tiên Tranh    | Đắk Buk So  | 1.335,000   | Tự do | -2,10  | -2,10  | -   | 867,750    | 65    |      |
| 24  | Hồ Đắk Ngo           | Đắk Ngo     | 2.891,000   | Tự do | -10,43 | -10,43 | -   | 1.272,040  | 44    |      |
| 25  | Đập bon Pu PRăng     | Quảng Trục  | 1.155,000   | Tự do | -0,03  | -0,03  | -   | 1.039,500  | 90    |      |
| 26  | Đập D1               | Quảng Trục  | 266,000     | Tự do | -1,10  | -1,10  | -   | 186,200    | 70    |      |
| 27  | Hồ Đắk Zên           | Quảng Trục  | 71,500      | Tự do | -1,50  | -1,50  | -   | 55,055     | 77    |      |
| 28  | Hồ Thôn 2            | Quảng Tâm   |             | Tự do | 0,03   | 0,03   | -   |            |       |      |
|     | Đập dâng thôn 2      | Quảng Tâm   |             |       |        |        |     |            |       |      |
|     | Đập dâng Bon Phung   | Quảng Tâm   |             |       |        |        |     |            |       |      |
|     | Đập Đàng Đắk Huýt 2  | Quảng Trục  |             |       |        |        |     |            |       |      |
|     | Đập Đàng Đắk Huýt 3  | Quảng Trục  |             |       |        |        |     |            |       |      |
| 209 | TỔNG CỘNG:           |             | 136.805,211 |       |        |        |     | 78.124,957 | 57,11 |      |